

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HSST
Ngày: 30/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ry.

2. Ông: Nguyễn Đình Hậu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ka Hít - cán bộ Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường Nhà văn hóa xã L, huyện B, tỉnh L xét xử công khai, lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với:

*** Bị cáo:** Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: T đầu bò; Sinh năm: 1989; Nơi sinh: CT; NKTT và chỗ ở: Thôn 7, X, B, L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Ngày 8/11/2004 bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đông đưa vào Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 1470/QĐUB ngày 02/11/2004; Tiền án: 02 tiền án. Cụ thể: Ngày 17/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 26/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/2/2014, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng phần trách nhiệm dân sự theo bản án số 19/2009/HSST ngày 17/6/2009 chưa chấp hành. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

*** Người bị hại:** Anh K, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B’, xã L, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh B, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn B’, xã L, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:”

Vào khoảng 23h ngày 19/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T đến quán bi da Galaxy của bà Trần Thị Kiều D ở thôn 7, L, huyện B, tỉnh L xem anh B cùng nhóm bạn đánh bi da. Trong quá trình đánh bida, anh B cởi áo khoác ngoài ra thì T cầm lấy chiếc áo và treo giùm lên tường cho anh B. Lúc này thấy chìa khóa xe máy của B từ áo khoác rơi ra, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp xe máy Exciter biển số 49 H1- 3xxxx mà B đang dựng trước cửa quán. Sau đó, T lấy chìa khóa xe và lợi dụng anh B đánh bida không để ý nên lấy trộm chiếc xe và chạy xe về hướng Bảo Lộc đến quán Bar-X9 ở đường Hà Giang, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L để xe ở bãi đậu xe rồi vào chơi khoảng 30 phút thì ra lấy xe chạy về tiệm internet Star đường T, phường B, TP X, L. Tại đây, T gặp Bi Đào và một đối tượng có tên là Năm Cam (không xác định được nhân thân lai lịch), T nhờ Bi Đào đi cầm xe trên để lấy ma túy đá về sử dụng thì được Bi Đào đồng ý cùng Năm Cam lấy xe đi, khoảng 30 phút sau mang về cho T một bịch ny long màu trắng chứa ma túy đá, Bi Đào, Năm Cam, T cùng nhóm bạn sử dụng hết chỗ ma túy đá trên.

Sau khi phát hiện mất xe, ngày 20/8/2017, anh B có đơn trình báo Công an xã L. Ngày 21/8/2017, ông Đinh Công H trú tại Thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh L phát hiện chiếc xe 49H1- 3xxxx hiệu Yamaha Exciter ở con hẻm cạnh vườn nhà ông nên đã trình báo Công an xã L thu giữ.

Theo kết luận định giá số 65/CV-KLĐG ngày 21/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện B kết luận chiếc xe hiệu Yamaha Exciter biển số 49H1- 3xxxx có giá là 39.000.000đ.

Cáo trạng 64/CTr-VKS ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại và không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:”

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 23h ngày 19/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T đến quán bi da Galaxy tại Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh L để xem anh B chơi bida. Lợi dụng lúc anh B mất cảnh giác, bị cáo đã lấy trộm chiếc xe Yamaha Exciter biển kiểm soát 49H1- 3xxxx do anh B mượn của ông K, sau khi lấy được xe bị cáo chạy về thành phố X nhờ một người tên Bi Đào cầm xe lấy ma túy về cùng sử dụng.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông K được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu thể hiện qua việc bị cáo có 01 tiền sự và 02 tiền án, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự theo Bản án số 19/2009/HSST ngày 17/6/2009, Nguyễn Văn T chưa chấp hành. Mặt dù đây là tình tiết định khung nhưng điều này nói lên việc cải tạo, giáo dục bị cáo của bản án trước không có hiệu quả, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo rất cao. Do đó cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. K bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/11/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an H. B;
- Chi cục THADS H B;
- Bị cáo, luật sư, , Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Linh